TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2- NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/DS-ST
Ngày 28/4/2026
"*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Xuân Cung, bà Trần Thị Mão

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Ninh Bình tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 28/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 08/10/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-DS, ngày 16/03/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐ-STDS, ngày 10/04/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1997; Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên; Nơi tạm trú và địa chỉ: Số nhà A, tổ dân cư K, xã N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1994

Địa chỉ: thôn H, xã L, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 11 năm 2025) (có mặt).

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C, phố B, xã Y, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh là cháu ruột của chị Nguyễn Thị T. Tháng 01/2022, chị T có hỏi vay tiền chị Nh, hằng tháng sẽ trả lãi cho chị Nh, chị T không nói rõ cụ thể lãi suất là bao nhiêu, chỉ nói là trả lãi cho con chị Nh mua sữa. Chị Nh có khoản tiền chưa cần dùng đến và là chỗ cô cháu ruột thịt trong nhà, tin tưởng nhau chị Nh đã chuyển khoản cho chị T vay nhiều lần, tổng số tiền nợ gốc chị T vay và còn nợ chị Nh là 430.000.000đồng, đồng thời hằng tháng, chị T có trả lãi nhưng

không cố định. Việc vay mượn, hai bên thỏa thuận bằng miệng và thực hiện chuyển tiền vay và trả lãi theo bảng sao kê tài khoản. Đến tháng 01 năm 2023, hai bên thỏa thuận nợ gốc còn lại là 400.000.000đồng, hằng tháng trả lãi 5.000.000đồng, tương đương với lãi suất là 1,25%/tháng (15%/năm). Tháng 04 năm 2023 chị chuyển cho chị T vay thêm 130.000.000đồng đến tháng 6/2023, chị T trả cho chị Nh 100.000.000đồng nợ gốc, chị T cũng thực hiện trả lãi 5.000.000đồng vào tháng 02/2023 và tháng 6 năm 2023.

Từ tháng 7/2023 đến nay, chị Nguyễn Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Chị Nguyễn Thị Hồng Nh đã nhắn tin, gọi điện thúc giục chị T nhưng chị T vẫn không thực hiện việc trả nợ gốc và lãi của khoản vay. Khi thấy chị yêu cầu trả nợ, chị T không thực hiện mà còn thách thức chị Nh.

Ngày 28/05/2025, chị Nguyễn Thị Hồng Nh gửi thông báo yêu cầu trả tiền lần cuối bằng văn bản cho chị T, chị T đã nhận văn bản nhưng không có bất cứ phản hồi nào về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, chị Nguyễn Thị Hồng Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nh tổng số tiền vay tính đến hết ngày 28/04/2026 là: **612.135.100đồng** (Sáu trăm mười hai triệu, một trăm ba lăm nghìn, một trăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 430.000.000 đồng; nợ lãi (Lãi suất 15%/ năm, tương đương với 1.25%/tháng, 0,041% ngày) tính từ 01/07/2023 đến ngày 28/04/2026 là 02 năm 09 tháng 27 ngày số tiền: 182.135.100 đồng.

Ý kiến của bị đơn – chị Nguyễn Thị T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các hành vi, ra các văn bản tố tụng tống đạt hợp lệ cho chị Nguyễn Thị T theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị T không có ý kiến gì và không có mặt tại tòa để tham gia tố tụng theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Ninh Bình:

Về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, thành viên Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật, các đương sự cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70,71,72 BLTTDS.

Về nội dung: Kiển sát viên đề nghị Hội đồng xét xử.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

1.1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh.

1.2. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho Nguyễn Thị Hồng Nh tổng số tiền vay tính đến ngày 28/04/2026 là: là: **612.135.100đồng** (Sáu trăm mười hai triệu, một trăm ba lăm nghìn, một trăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 430.000.000 đồng; nợ lãi (Lãi suất 15%/ năm, tương đương với 1.25%/tháng, 0,041% ngày) tính từ 01/07/2023 đến ngày 28/04/2026 là 02 năm 09 tháng 27 ngày số tiền: 182.135.100 đồng.

2.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật;

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 28.485.404đồng (Hai mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm linh bốn đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.865.000đồng (Mười ba triệu, tám trăm sáu lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001389, ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, khởi kiện chị Nguyễn Thị T, cứ trú tại phố Bắc Yên, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh, giữa chị và bị đơn chị Nguyễn Thị T có thỏa thuận về việc vay tiền, theo đó chị T có cho chị Nh vay tiền làm nhiều lần, số tiền nợ gốc chị T còn nợ chị Nh là 430.000.000đồng. Đến tháng 01 năm 2023, hai bên thỏa thuận nợ gốc còn lại là 400.000.000đồng thì hằng tháng trả lãi 5.000.000đồng, tương đương với lãi suất là 1,25%/tháng. Tháng 04 năm 2023 chị chuyển cho chị T vay thêm 130.000.000đồng, đến tháng 6/2023, chị T trả cho chị Nh 100.000.000đồng nợ gốc và chị T thực hiện trả lãi 5.000.000đồng vào tháng 02/2023 và tháng 6 năm 2023.

Từ tháng 7/2023 đến nay, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả lãi. Chị Nh đã nhắn tin gọi điện thúc giục chị T nhưng chị T vẫn không thực hiện. Ngày 28/05/2025, chị Nh gửi thông báo yêu cầu trả tiền lần cuối bằng văn bản cho chị T, chị T đã nhận văn bản nhưng không có bất cứ phản hồi nào về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nội dung trình bày trên của chị Nguyễn Thị Hồng Nh, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như bản sao kê tài khoản của chị Nh, của chị T, văn bản trả lời của Công an xã Tây Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên, cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng, chị T không có ý kiến phản đối gì về việc chị Nh khởi kiện.

Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

.....

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

...

Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Điều 469. Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn

1…

2. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản...

Theo quy định trên cho thấy, chị Nguyễn Thị Hồng Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nh tổng số tiền vay tính đến hết ngày 28/04/2026 là: 612.135.100đồng (Sáu trăm mười hai triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 430.000.000 đồng; nợ lãi (Lãi suất 15%/năm tương đương với 1.25%/tháng, 0,041%/ngày) tính từ 01/07/2023 đến ngày 28/04/2026 là 02 năm 09 tháng 27 ngày số tiền: 182.135.100 đồng là có căn cứ theo quy định tại 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015 cần chấp nhận.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là người thua kiện nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 116, 117, 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Nh.

2.1. Buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/04/2026 là: 612.135.100đồng (Sáu trăm mười hai triệu, một trăm ba lăm nghìn, một trăm đồng). Trong đó: nợ gốc là 430.000.000 đồng; nợ lãi là 182.135.100 đồng.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật;

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 28.485.404đồng (Hai mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bốn trăm linh bốn đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.865.000đồng (Mười ba triệu, tám trăm sáu lăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001389, ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND khu vực 2- Ninh Bình;*
- *THADS tỉnh NB;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Tuấn